

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 470/2019/HS-PT
Ngày: 21/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân.

Các Thẩm phán:

1. Ông Vũ Văn Lệ

2. Ông Lê Công Huân

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh, thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Quỳnh Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 384/2019/HSPT ngày 13/9/2019 đối với bị cáo Hồ Gia Q, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4709/2019/QĐXXPT-HS ngày 04/10/2019, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 64/2019/HS-ST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo liên quan đến kháng cáo:

Họ và tên: **Hồ Gia Q**; sinh ngày 15/3/1998 tại tỉnh Bình Thuận; nơi đăng ký thường trú: Thôn 1, xã A, huyện B, tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: số 43-45 đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: (không); quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn G và bà Nguyễn Thị H;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bắt, tạm giữ, tạm giam: 25/02/2019;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng có liên kháng cáo: Bà **Nguyễn Thị H**; sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn 1, xã A, huyện B, tỉnh Bình Thuận; là người đại diện hợp pháp của bị cáo (mẹ đẻ bị cáo); có mặt;

Người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo: Công ty I; địa chỉ: phường K, quận L, Thành phố Hà Nội; là bị hại trong vụ án;

*Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Phạm Thành Luân**; Luật sư Công ty luật TNHH Một thành viên Viên An, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 45 phút ngày 25/02/2019, Hồ Gia Q điều khiển xe mô tô mang biển số 86B7-347.72 đi đến Cửa hàng điện thoại Viễn Thông A của Công ty I, tọa lạc tại Phường O, Quận P. Q nhìn thấy cửa hàng vắng người nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Để thực hiện ý định này, Q dựng xe trước cửa hàng, rồi đi bộ vào trong cửa hàng. Do chưa đến giờ mở cửa nên ông Nguyễn R (nhân viên bảo vệ của cửa hàng) yêu cầu Q đi ra nhưng Q vẫn đi vào nên ông R đi theo phía sau quan sát. Khi đến vị trí tủ trưng bày sản phẩm, Q bất ngờ dùng tay cầm chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A9 (màu xanh, loại dung lượng nhớ 128GB), rút dây báo động, cầm điện thoại bỏ chạy ra ngoài. Ngay lúc đó, ông R cùng quần chúng nhân dân bắt giữ Q giao cho Công an Phường O, Quận P.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 18/KLĐGTS ngày 28/02/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận P kết luận: Chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A9, màu xanh, dung lượng 128GB, tại thời điểm ngày 25/02/2019 có trị giá 10.490.000đ (bl.16).

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ được tài liệu chứng cứ, vật chứng liên quan như sau:

-Đĩa DVD có chứa dữ liệu hình ảnh Q thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản xảy ra vào ngày 25/02/2019 tại Cửa hàng Viễn thông A do Công an Phường O, Quận P lập biên bản thu giữ và kiểm tra hình ảnh, đưa vào hồ sơ vụ án (bl.43-45).

-Chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A9, màu xanh là tài sản của Công ty I mà Q đã chiếm đoạt.

Tại Cơ quan điều tra, Q thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu.

Trong quá trình điều tra, nhận thấy Q có biểu hiện tâm lý bất thường nên Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với Q. Theo Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 1649/KLGD ngày 25/4/2019 của Trung tâm Pháp y tâm thần Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận như sau: Trước, trong thời điểm có hành vi phạm tội ngày 25/02/2019, Q đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Sau thời điểm có hành vi phạm tội ngày

25/02/2019 cho đến hiện tại, Q bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi (bl.22-23).

Tại Bản cáo trạng số 61/CT-VKSQ11 ngày 09/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận P truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự năm 2015).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 64/2019/HS-ST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 50; khoản 1 Điều 171; điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Hồ Gia Q 02 (hai) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 25/02/2019.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, Q kháng cáo của bị cáo và người đại diện của bị cáo, Q kháng cáo của bị hại.

Ngày 16/8/2019, bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ bị cáo), người đại diện của bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo là người hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; phạm tội chưa gây thiệt hại; bị cáo là sinh viên đang theo học năm thứ 3 Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, trong quá trình học tập đạt được nhiều thành tích; từ trước đến nay luôn chấp hành tốt quy định của pháp luật tại địa phương; bị cáo ở trong ký túc xá của Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, mặt khác bị cáo có nơi cư trú ổn định tại Thôn 1, xã A, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Do vậy, việc xử phạt bị cáo 2 năm tù và không cho hưởng án treo là quá nặng. Với các lý do đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Nguyễn Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo khai nhận toàn bộ nội dung phạm tội như bản án sơ thẩm đã nhận định và xin được giảm nhẹ.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo 2 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

Luật sư Phạm Thành Luân bào chữa cho bị cáo như sau: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, là người có nhược điểm về tâm thần, có nơi cư trú ổn định, có

đủ điều kiện được hưởng án treo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, luật sư bào chữa, bị cáo, người đại diện của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm Q, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của bị hại, căn cứ vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác, có căn cứ để xác định rằng: Vào khoảng 06 giờ 45 phút ngày 25/02/2019, Hồ Gia Q đã vào Cửa hàng điện thoại Viễn Thông A của Công ty I (tọa lạc tại địa chỉ 3/1 Bình Thới, Phường O, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh) và bất ngờ giật lấy chiếc điện thoại Samsung có trị giá 10.490.000đ đang để trên tủ trưng bày, rồi bỏ chạy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến Q sở hữu tài sản của người khác. Vào thời điểm phạm tội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ tư lợi nên vẫn cố ý vi phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo đã phạm tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo theo tội danh, điều luật như đã nêu là đúng pháp luật.

[3]. Về việc kháng cáo của bà Nguyễn Thị H (người đại diện hợp pháp của bị cáo).

Bị cáo là người hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, phạm tội lần đầu. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ, đúng pháp pháp.

Trong vụ án này, tài sản đã được thu hồi giao trả lại cho bị hại. Do vậy cần phải áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (tương ứng với tình tiết phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn) để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định “Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại” và dụng khoản 2 Điều 51 là chưa chưa chuẩn xác.

Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm còn nhận định “*Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc cho bị cáo được hưởng án treo với lý do bị cáo có nơi cư trú không ổn định vì đang tạm trú tại ký túc xá của nhà trường*”. Nhận định như vừa nêu là không rõ ràng. Nếu Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng vì bị cáo tạm trú tại ký túc xá sinh viên đồng nghĩa với “*không có nơi cư trú không ổn định*” nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo thì nhận định là không chuẩn xác. Bởi lẽ, theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì một trong những điều kiện để người phạm tội được hưởng án treo đó là “*Có nơi cư trú rõ ràng*” mà không phải là có nơi cư trú ổn định. Bị cáo đăng ký thường trú tại Thôn 1, xã A, huyện B, tỉnh Bình Thuận; khi vào Thành phố Hồ Chí Minh đi học thì bị cáo ở tại Ký túc xá Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật cư trú thì nơi cư trú của bị cáo Q trước khi bị bắt chính là Ký túc xá Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, trường hợp của bị cáo Q phải được xác định là “*Có nơi cư trú rõ ràng*”.

Bị cáo là sinh viên; mặt khác, theo Giấy chứng nhận số 35/GCN-HN-HCN ngày 05/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Thuận thì bị cáo là cá nhân thuộc hộ cận nghèo. Do vậy, cần xem đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm chưa xem xét tình tiết này cho bị cáo là có thiếu sót.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo chưa thành khẩn khai báo nên Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” là đúng quy định. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết mới phát sinh. Do vậy, cần áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo có nhiều tính tiết giảm nhẹ như đã được nêu, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357, khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 64/2019/HS-ST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm h, q và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Hồ Gia Q** 2 (hai) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 4 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo, nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Thuận để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thẩm Q có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này; trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì buộc bị cáo phải chấp hành phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)./.

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND cấp cao tại TP.HCM | (1) |
| - VKSND TP. HCM; | (1) |
| - VKSND Quận P ; | (1) |
| - PC5 - CATP; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Đương sự; | (1) |
| - Chi Cục Quận P ; | (1) |
| - TAND Quận P; | (2) |
| - Công an Quận P; | (1) |
| - Sở Tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Lưu: THS, hồ sơ, VT (22). | (4) |

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân